TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27-7-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Dịnh

2. Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiền tòa số 128/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1994 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BT, xã TT, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thế C, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp ĐĐ, xã HTK, huyện Thới Bình,tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trình bày của bà Nguyễn Thị T tại đơn khởi kiện ngày 05/02/2020 và trong qúa trình quyết vụ án:*

Hôn nhân: Bà T và ông C tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 20 tháng 12 năm 2013. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, bà T và ông C đã ly thân cách nay hơn 01 năm, xét thấy hôn nhân không thể kéo dài nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông C.

Con chung: Bà T và ông C có 01 người con chung tên Nguyễn Huỳnh Trọng H, sinh ngày 30/7/2015 (giới tính nam), hiện do bà T nuôi dạy. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Thế C. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; ông C có nơi cư trú tại ấp ĐĐ, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đối với ông C lần thứ hai nhưng ông C vắng mặt không có lí do, bà T xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T, ông C theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà T và ông C tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 20 tháng 12 năm 2013. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đông quan điểm với nhau trong cuộc sống, bà T và ông C đã ly thân cách nay hơn 01 năm, bà T xác định hôn nhân không thể kéo dài nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông C. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống bà T cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân giữa ông bà không đạt được. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông C vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà T và ông C được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà T và ông C có 01 người con chung tên Nguyễn Huỳnh Trọng H, sinh ngày 30/7/2015 (giới tính nam), hiện do bà T nuôi dạy. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung. Xét thấy con chung từ trước đến nay sống ổn định với bà T, cần duy trì sự ổn định này để tránh sự xáo trộn tâm lý của con chung. Hơn nữa, quá trình thụ lý giải quyết vụ án ông C không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của bà Chân nên cần chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bàn Chân. Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con như thế nào, bà T và ông C đều vắng mặt tại phiên tòa nên không có căn cứ xem xét tại vụ án này. Bà T có quyền khởi kiện ông C để yêu cầu cấp dưỡng nuôi côn thành một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Bà T xác định vợ chồng không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận không có nợ đề ngày 04/02/2020 của UBND xã HTK xác định bà T và ông C không bị ai thưa kiện về nợ yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thế C.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc ly hôn, nuôi con chung với ông Nguyễn Thế C.

2.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thế C được ly hôn.

2.2. Về con chung: Nguyễn Huỳnh Trọng H, sinh ngày 30/7/2015 (giới tính nam) cho bà T tiếp tục nuôi dạy. Ông C không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm con theo quy định của pháp luật, không ái được quyền cản trở.

2.3. Tài sản chung, nợ chung: Không có

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 05 tháng 02 năm 2020 bà T có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0010935 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã HTK;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh